TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ D** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 141/2023/DS-ST Ngày 22 – 9 - 2023 V/v tranh chấp về kiện đòi tài sản	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 189/2023/TLST-DS ngày 18/5/2023 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2023/QĐXXST-DS ngày 18/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồng Xuân H, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Số N, phường M, thành phố A, tỉnh Lâm Đồng. Và bà Trần Thị Biền N, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Số E, phường F, thành phố A, tỉnh Lâm Đồng. Cùng địa chỉ tạm trú: Tòa B2, Tầng 28, Căn 11, Chung cư Boulevard, số 18, đường A, khu phố Bình Đường B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Trọng T, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Số K, phường H, quận T, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Toà nhà MT, số I phố Z, phường L, quận P, Thành phố Hà Nội. Theo Giấy uỷ quyền ngày 08/6/2023. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Văn Ngọc L, sinh năm 1961; địa chỉ thường trú: Số O, đường số A, khu phố Bình Đường B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ liên hệ: Số G, phường S, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà L: Ông Nguyễn Đình Thái H, sinh năm 1973; địa chỉ liên hệ: Số S, khu phố X, phường J, thành phố U, Thành phố Hồ Chí

Minh – Luật sư – Văn phòng luật sư Thái H thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH TV-TK-XD và TM Nhà T (gọi tắt là Công ty Nhà T). Địa chỉ: 158/5/8 Đường J, Phường Z, Thành phố U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Bà Nguyễn Thị Ngọc B – chức vụ: Giám đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Văn Ngọc A, sinh năm 1953; địa chỉ: Số O, đường số A, khu phố Bình Đường B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2023, đơn khởi kiện rút một phần và bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện ngày 19/6/2023, Bản ý kiến và giải trình lần 2 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Vũ Trọng T trình bày: Ông H là cháu ruột của bà L gọi bà L là cô ruột. Bà L là chủ sở hữu thửa đất 963, tờ bản đồ số 40, toạ lạc tại khu phố Bình Đường B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương (thửa đất số cũ Ô30, Lô E toạ lạc tại xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 812605, số vào sổ cấp GCN: CS10889 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/02/2023 cho bà Văn Ngọc Ln (Giấy chứng nhận cũ: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 003961, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 52 QSDĐ/2000 do Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 31/01/2000 cho bà Văn Ngọc L). Năm 2022, bà L có nhu cầu xây dựng lại nhà cấp 4 cũ nhưng bà L không có tiền, trong khi đó thì vợ chồng ông H, bà N có tiền nhưng lại không có đất nên bà L và vợ chồng ông H, bà N đã bàn bạc thống nhất với nhau là ông H, bà N bỏ tiền ra xây dựng nhà trên thửa đất 936 toạ lạc tại khu phố Bình Đường B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương (ngôi nhà hiện do bà L đang ở), sau khi xây dựng xong thì vợ chồng ông H, bà N cùng bà L ở tại căn nhà này, nhưng được một thời gian thì hai bên xảy ra mâu thuẫn, bà L đã đuổi vợ chồng ông H, bà N ra khỏi nhà của bà L mà không thanh toán lại tiền xây nhà cho ông H, bà N đã bỏ ra cũng như tiền trang trí nội thất. Vì vậy, ông H, bà N khởi kiện bà L, yêu cầu bà L trả lại cho ông H, bà N tiền xây dựng nhà và trang trí nội thất là 1.453.968.343 đồng. Đồng thời, yêu cầu bà L phải bồi thường thiệt hại cho ông H, bà N bao gồm: Bồi thường thiệt hại về chi phí thuê nhà khác để ở sinh hoạt là 14.400.000 đồng, bồi thường thiệt hại về tinh thần là 18.720.000 đồng và bồi thường thiệt hại về tiền lãi chậm thanh toán là 60.630.450 đồng. Quá trình giải quyết nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà L bồi thường thiệt hại về tinh thần là 18.720.000 đồng và bồi thường thiệt hại về tiền lãi chậm thanh toán là 60.630.450 đồng, chỉ yêu cầu bà L trả lại tiền xây dựng nhà và trang trí nội thất là 1.453.968.343 đồng và bồi thường thiệt hại về chi phí thuê nhà khác để ở sinh hoạt là 14.400.000 đồng. Tổng số tiền mà bà L có trách nhiệm phải trả cho ông H, bà N là 1.468.368.343 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc bà L là cô ruột của H. Vào khoảng năm 2021, H có gọi điện cho bà L hỏi việc bà L đã bán nhà hay chưa, nếu

chưa thì để H bỏ tiền ra sửa chữa lại căn nhà rồi cô cháu cùng ở, thấy ý kiến của H có lý nên bà L đồng ý. Lúc đầu, H báo với bà L số tiền sửa chữa là 500.000.000 đồng vì thấy chi phí cao nên bà L ngỏ ý với H là để bà L cùng bỏ tiền ra hùn với H, nhưng H nói là cứ để H bỏ tiền trước, sau này có gì cô cháu tính toán lại. Ban đầu H đề ra phương án là sửa chữa lại căn nhà cũ nhưng sau này H đổi lại phương án đập bỏ căn nhà cũ và xây dựng lại mới toàn bộ mà không có bàn bạc với bà L. Hơn nữa, trước khi sửa chữa, xây dựng lại nhà thì bà L có thoả thuận với H là bà L sẽ trả lại cho H toàn bộ số tiền mà H đã bỏ ra trong thời hạn 05 năm và H cũng đồng ý nên H mới bỏ tiền ra sửa chữa, xây dựng. Quá trình thoả thuận sửa chữa, xây dựng lại nhà thì bà L chỉ thoả thuận với H, bà L không có thoả thuận với N (là vợ H). Hơn nữa, ngày 30/5/2023, bà L đã làm hợp đồng tặng cho toàn bộ nhà – đất cho chị của bà L là bà Văn Ngọc A, hợp đồng đã được Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Hồng N công chứng và bà đã được cấp GCN QSDĐ. Nay, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà L chỉ đồng ý trả lại cho H tiền xây dựng phần thô số tiền 880.500.000 đồng, còn việc H tự ý trang trí nội thất trong nhà thì yêu cầu H tự tháo dỡ di dời ra khỏi nhà bà L vì bà L không có nhu cầu sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH TV-TK-XD và TM Nhà T trình bày: Ông H là người ký hợp đồng xây dựng thi công Căn nhà tại số 52, đường số A, khu phố Bình Đường B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương với số tiền 880.550.000 đồng, ông H đã thanh toán số tiền 836.500.000 đồng, còn lại 44.000.000 đồng. Do còn trong thời hạn bảo hành nên Công ty không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Nếu sau thời hạn bảo hành mà ông H hay bà L mà không trả tiền cho Công ty thì Công ty sẽ khởi kiện ông H hay bà L trong vụ án khác.

N*gười có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Văn Ngọc A trình bày:* Bà A là chị ruột của bà L và là cô ruột của anh H. Bà L đã tặng cho bà A căn nhà gắn liền với đất (là căn nhà mà H đã bỏ tiền ra sửa chữa, xây dựng) vào ngày 30/5/2023 và bà A đã được đăng ký biến động sang tên theo đúng quy định. Tuy nhiên, khi bà A đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D nhận GCN QSDĐ thì bị trả lại toàn bộ hồ sơ do có tranh chấp giữa bà L với H. Việc tranh chấp giữa bà L với H là tranh chấp số tiền mà H bỏ ra xây dựng căn nhà, không liên quan gì đến việc bà L tặng cho nhà – đất cho bà A. Do đó, bà A không có liên quan gì đến vụ án. Hiện tại bà A đang khiếu nại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D về việc trả lại hồ sơ cấp GCN QSDĐ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên một phần yêu cầu khởi kiện và các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể:

Bà Văn Ngọc L đồng ý trả cho ông Hồng Xuân H và bà Trần Thị Biền N số tiền 1.200.000.000 đồng trong thời hạn 03 năm tính từ ngày 22/9/2023, 06 tháng trả 200.000.000 đồng và trả vào ngày đầu tiên của tháng thứ 6, trả thành 06 đợt thanh toán. Trong trường hợp bà L vi phạm không thanh toán số tiền 200.000.000 đồng vào đợt 1 như thoả thuận thì ông H, bà N có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với tất cả các khoản tiền còn lại. Tài sản đảm bảo cho việc thi hành án là quyền sử dụng đất diện tích 1.001m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở nông thôn và 951m^2 đất trồng CLN) thuộc thửa 1497, tờ bản đồ số 05 tại xã N, huyện

M, tỉnh Đồng Nai theo GCN QSDĐ do UBND huyện M, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/12/2006 cho bà Văn Ngọc A để thi hành án trả số tiền 1.200.000.000 đồng. Trường hợp tài sản của bà A không đủ trả số tiền 1.200.000.000 đồng thì bà L còn tiếp tục trả tiền cho ông H, bà N đến khi trả xong số tiền 1.200.000.000 đồng.

Bà Văn Ngọc A đồng ý với ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là đồng ý dùng tài sản của bà Anh là quyền sử dụng đất diện tích 1.001m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở nông thôn và 951m^2 đất trồng CLN) thuộc thửa 1497, tờ bản đồ số 05 tại xã N, huyện M, tỉnh Đồng Nai theo GCN QSDĐ do UBND huyện M, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/12/2006 cho bà Văn Ngọc A để thi hành án trả số tiền 1.200.000.000 đồng cho bà L.

Đối với số tiền xây dựng 44.000.000 đồng còn nợ lại của Công ty TNHH TV-TK-XD và TM Nhà T thì nguyên đơn và bị đơn đồng ý mỗi bên có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH TV-TK-XD và TM Nhà T số tiền 22.000.000 đồng.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn đồng ý mỗi bên tự nguyện chịu 24.660.000 đồng.

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 2.700.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH TV-TK-XD và TM Nhà T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên toà nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Văn Ngọc A thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Việc thoả thuận này không ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty TNHH TV-TK-XD và TM Nhà T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận này.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Hồng Xuân H, bà Trần Thị Biền N khởi kiện bà Văn Ngọc L về việc tranh chấp về kiện đòi tài sản. Bà L có hộ khẩu thường trú tại Số O, đường số A, khu phố Bình Đường B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ quy định tại các Điều: 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH TV-TK-XD và TM Nhà T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người đại diện của

Công ty TNHH TV-TK-XD và TM Nhà T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, các Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Vũ trọng T, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Văn Ngọc A thống nhất thoả thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án, như sau:

Bà Văn Ngọc L đồng ý trả cho ông Hồng Xuân H và bà Trần Thị Biền N số tiền 1.200.000.000 đồng trong thời hạn 03 năm tính từ ngày 22/9/2023, 06 tháng trả 200.000.000 đồng và trả vào ngày đầu tiên của tháng thứ 6, trả thành 06 đợt. Trong trường hợp bà L vi phạm không thanh toán số tiền 200.000.000 đồng vào đợt 1 như thoả thuận thì ông H, bà N có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với tất cả các khoản tiền còn lại. Tài sản đảm bảo cho việc thi hành án là quyền sử dụng đất diện tích 1.001m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở nông thôn và 951m^2 đất trồng CLN) thuộc thửa 1497, tờ bản đồ số 05 tại xã N, huyện M, tỉnh Đồng Nai theo GCN QSDĐ do UBND huyện M, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/12/2006 cho bà Văn Ngọc A để thi hành án trả số tiền 1.200.000.000 đồng. Trường hợp tài sản của bà A không đủ trả số tiền 1.200.000.000 đồng thì bà L còn tiếp tục trả tiền cho ông H, bà N đến khi trả xong số tiền 1.200.000.000 đồng.

Đối với số tiền xây dựng 44.000.000 đồng còn nợ lại của Công ty TNHH TV-TK-XD và TM Nhà T thì nguyên đơn và bị đơn đồng ý mỗi bên có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH TV-TK-XD và TM Nhà T số tiền 22.000.000 đồng.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn đồng ý mỗi bên tự nguyện chịu 24.660.000 đồng.

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 2.700.000 đồng.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại về tinh thần là 18.720.000 đồng và bồi thường thiệt hại về tiền lãi chậm thanh toán là 60.630.450 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Văn Ngọc L đồng ý trả cho ông Hồng Xuân H và bà Trần Thị Biền N số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Thời hạn thanh toán là 03 năm tính từ ngày 22/9/2023. Phương thức thanh toán là 06 tháng trả 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và trả vào ngày đầu tiên của tháng thứ 6. Trả thành 06 đợt. Trong trường hợp bà Văn Ngọc L vi phạm không thanh toán số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) vào đợt 1 thì ông Hồng Xuân H và bà Trần Thị Biền N có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với tất cả các khoản tiền còn lại.

Ông Hồng Xuân H và bà Trần Thị Biền N có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với tài sản của bà Văn Ngọc A là quyền sử dụng đất diện tích 1.001m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở nông thôn và 951m^2 đất trồng CLN) thuộc thửa 1497, tờ bản đồ số 05 tại xã N, huyện M, tỉnh Đồng Nai theo GCN QSDĐ do UBND huyện M, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/12/2006 cho bà Văn Ngọc A.

Trường hợp tài sản của bà Văn Ngọc A không đủ trả số tiền 1.200.000.000 đồng thì bà Văn Ngọc L còn tiếp tục trả tiền cho ông Hồng Xuân H, bà Trần Thị Biền N đến khi trả xong.

- Ông Hồng Xuân H và bà Trần Thị Biền N có trách nhiệm thanh toán số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) cho Công ty TNHH TV-TK-XD và TM Nhà T. Bà Văn Ngọc L có trách nhiệm thanh toán số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) cho Công ty TNHH TV-TK-XD và TM Nhà T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồng Xuân H và bà Trần Thị Biền N đối với bà Văn Ngọc L về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần số tiền 18.720.000 đồng và bồi thường thiệt hại về tiền lãi chậm thanh toán số tiền 60.630.450 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồng Xuân H và bà Trần Thị Biền N phải chịu số tiền 24.600.000 đồng (Hai mươi bốn triệu sáu trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 29.822.046 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm hai mươi hai ngàn không trăm lẻ bốn mươi sáu đồng) mà ông H, bà N đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006378 ngày 16/5/2023 và số 0006551 ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D hoàn trả lại cho ông Hồng Xuân H và bà Trần Thị Biền N số tiền 5.222.046 đồng (Năm triệu hai trăm hai mươi hai triệu không trăm lẻ bốn mươi sáu đồng).

Bà Văn Ngọc L phải chịu số tiền 24.600.000 đồng (Hai mươi bốn triệu sáu trăm ngàn đồng).

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Hồng Xuân H và bà Trần Thị Biền N tự nguyện chịu số tiền 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp. Đã thực hiện xong.

5. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố D;
- Chi cục THADS thành phố D;
- Đương sự;
- Lưu: VT; HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân